TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 28/11/2019
V/v: Ly hôn; tranh chấp
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Khóa;
2. Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 151/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019; Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 280/2019/TB-TA ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1989.

HKTT trước khi xuất cảnh: Thôn V, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn Nh, xã Ph, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: (Nhật Bản).

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng: Ông Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1958. Địa chỉ cư trú: Thôn Nh, xã Ph, huyện T, tỉnh Hải Dương. (theo giấy ủy quyền ngày 07/6/2019).

2. Bị đơn: Anh Lương Văn M, sinh năm 1981

Địa chỉ đăng ký HKTT trước khi xuất cảnh: Thôn V, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: (Nhật Bản).

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng: Chị Lương Thị L - Sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn V, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Ngọc Thủy trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh M tự do, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 05/4/2013 tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống ở Nhật Bản nhưng do tính cách không hòa hợp nên thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn không được giải quyết nên càng thêm trầm trọng. Do cuộc sống khó khăn nên ngày 02/4/2019 chị Thủy cùng hai con chuyển đi nơi khác sinh sống. Anh M liên tục có những tin nhắn đe dọa tính mạng chị Th và người thân trong gia đình chị. Chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

- Về quan hệ nuôi con chung: Chị Th và anh M có 02 con chung là Lương Hà M sinh ngày 16/4/2016 và Lương Hà Ph sinh ngày 10/7/2017, hiện đang ở với chị Th tại Nhật Bản. Khi ly hôn chị Th đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị Th và anh M không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lương Văn Mầm trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Th kết hôn tháng 4/2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc ở Nhật Bản, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong phương pháp chăm sóc và giáo dục con chung. Anh M đã cố gắng để hàn gắn với chị Th nhưng không có kết quả. Chị Th không còn tình cảm với anh và kiên quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn.

- Về quan hệ nuôi con chung: Anh chị có 02 con chung như chị Th trình bày là đúng, hiện hai con được chị Th gửi ở Việt Nam nuôi dưỡng nhưng không phải bố mẹ đẻ chị Th. Khi ly hôn anh M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung không yêu cầu chị Thủy cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản chung: Anh và chị Th không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong thời hạn chuẩn bị xét xử đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa cũng như những

người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Th được ly hôn với anh M. Về con chung đề nghị giao cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lương Hà Ph, giao cho anh M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lương Hà M đến khi trưởng thành, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Ngọc Th là người Việt Nam hiện đang sinh sống tại Nhật Bản, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lương Văn M có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương cũng sinh sống tại Nhật Bản. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt nhưng đều đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh M tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi sinh con thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp và bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong cách chăm sóc con cái. Đầu năm 2019 chị Thủy chuyển đi nơi khác cùng hai con. Anh M gọi điện, nhắn tin nhưng không có trả lời nên anh bức xúc có nhiều tin nhắn đe dọa chị Thủy và gia đình chị. Anh Mầm thừa nhận từng bị Cảnh sát Nhật Bản bắt giữ điều tra về hành vi này, mặc dù đã được kết luận không có động cơ và được trả tự do nhưng điều này cũng thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Th, anh M đều nhất trí ly hôn, nên cần chấp nhận cho chị Th ly hôn với anh M là phù hợp quy định tại Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Chị Th và anh M cùng xác định có 02 con chung là Lương Hà M, sinh ngày 16/4/2016 và Lương Hà Ph, sinh ngày 10/7/2017. Chị Th xác định hiện các con chung đang ở với chị tại Nhật Bản. Anh M trình bày hiện các con chung đang ở Việt Nam nhưng không cung cấp được chứng cứ. Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình ông Nguyễn Ngọc Th – bố đẻ chị Thủy và tại UBND xã Ph, huyện T, xác định các cháu Lương Hà M và Lương Hà Ph vẫn ở Nhật Bản cùng chị Th và có bác trong gia đình là bà Nguyễn Thị Kh sang Nhật Bản để giúp đỡ chị Thủy chăm sóc các cháu trong thời gian chị Th đi làm. Các con chung của chị Th, anh M chưa từng về Việt

Nam, chưa được đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc đăng ký tạm trú tại địa phương. Do đó có căn cứ xác định hiện cả 02 con chung của chị Th, anh M đang ở cùng chị Thủy tại Nhật Bản. Khi ly hôn chị Th và anh M cùng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy chị Th và anh M hiện đang lao động tại Nhật Bản, có công việc và thu nhập ổn định, có điều kiện nuôi con ngang nhau nên cần giao cho mỗi người nuôi 01 con chung để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Do con chung Lương Hà Ph, sinh ngày 10/7/2017 còn nhỏ tuổi (dưới 16 tháng tuổi) nên giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Lương Hà M, sinh ngày 16/4/2016 hiện đã trên 36 tháng tuổi cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai. Như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị Th và anh M cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 228, Điều 235, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc Th. Xử cho chị Nguyễn Ngọc Th ly hôn anh Lương Văn M.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Ngọc Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lương Hà Ph, sinh ngày 10/7/2017; Giao cho anh Lương Văn M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lương Hà M, sinh ngày 16/4/2016 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai.

Chị Nguyễn Ngọc Th, anh Lương Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc Th phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đồng án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình), đối trừ với 300.000đ

(Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp (do ông Nguyễn Ngọc Th nộp thay) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2017/0008222 ngày 04/7/2019. Chị Th đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Q, huyện T;
-UBND xã Ph, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Khóa **Dương Thị Kim Hồng** **Nguyễn Minh Tân**